

87

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

A: 18
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 18

Phòng thi: 06-32 Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123190085	Đặng Thái	Anh	19/07/2004	CCQ2319C							0		
2	2122110429	Nguyễn Thành	Công	02/01/2004	CCQ2211LA	1017	Eus	3,6	E	5,3	4,5	7,3	5,6	
3	2123180041	Vô Văn	Đại	09/08/2005	CCQ2318B							0		
4	2122170615	Trần Văn Võ	Đặng	28/04/2004	CCQ2217P							0		
5	2122110430	Vô Thành	Đạt	21/07/2004	CCQ2211LA	1020	Đạt	5,6	Đạt	8,5	7,1	8,3	7,6	
6	2123180043	Phan Văn	Định	31/12/2005	CCQ2318B	1019	Định	4,7	Đ	3,8	4,3	6,8	5,3	
7	2123180061	Lương Duy	Đoan	06/03/2005	CCQ2318B	1018	Đoan	6,3	Đoan	7,0	6,7	8,8	7,5	
8	2122150077	Nguyễn Duy	Đông	15/07/2004	CCQ2215C	1019	Đông	6,1	Đông	7,4	6,8	7,2	7,0	
9	2123180005	Đoàn Công	Hiển	02/08/2005	CCQ2318A	1020	Hiển	4,0	Hiển	1,8	2,9	6,9	4,5	
10	2122110081	Cao Thị Mỹ	Hoài	05/03/2004	CCQ2211C	1017	Hoài	5,5	Hoài	6,4	6,0	8	6,8	
11	2123180018	Trần Quốc	Hung	15/07/2004	CCQ2318A	1018	Hung	6,2	Hung	3,8	5,0	6,9	5,8	
12	2122030082	Đặng Ngọc	Huy	25/06/2003	CCQ2203C	1019	Huy	4,8	Huy	4,3	4,6	7,4	5,7	
13	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F							4,4	0	
14	2123180036	Hồ Vĩnh	Khang	26/10/2005	CCQ2318B	1017	Khang	9,0	Khang	7,6	8,3	8,5	8,4	
15	2122170167	Nguyễn Xuân	Khang	05/07/2004	CCQ2217E	1018	Khang	5,5	Khang	4,2	4,9	7,9	6,1	
16	2123180017	Đặng Duy	Khánh	26/03/2005	CCQ2318A							0		
17	2123180016	Nguyễn Đỗ Anh	Khoa	31/03/2005	CCQ2318A	1020	Khoa	4,9	Khoa	0	2,5	5,7	3,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 16
H: 02

87

C. Hoa

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Tuấn Anh

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Trần Thị Ngọc Diệp

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170324	Trần Đình	Khương	09/03/2004	CCQ2217I	1017	Khương	6,2	Khương	3.2	4,7	7,6	5,9	
19	2122170057	Phạm Tuấn	Kiệt	03/10/2004	CCQ2217B	1018	Phạm	6,0	Phạm	5.8	5,9	6,7	6,2	
20	2123180051	Trương Gia	Kiệt	10/01/2001	CCQ2318B	1019	Trương	4,8	Trương	3.2	4,0	6,9	5,2	
21	2122170590	Nguyễn Văn	Lợi	20/01/2004	CCQ2217O	1018	Lợi	6,6	Lợi	5.5	6,1	8,6	7,1	
22	2122170386	Phan Trương	Luân	20/03/2004	CCQ2217J	1020	Phan	6,4	Phan	6.1	6,3	8,7	7,3	
23	2122260061	Võ Trà	My	26/10/2004	CCQ2226B	1017	My	7,5	My	3.0	5,3	7,3	6,1	
24	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D							0		
25	2122180013	Nguyễn Văn	Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A							0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 10

H: 02

88

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 04/5/25

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110539	Tô Võ Duy	Anh	10/05/2005	CCQ2311F							0	Cấm thi	
2	2123120303	Trần Thị Bảo	Châu	07/05/2005	CCQ2312F	1020	Chau	6.9	Chau	2.0	4.5	7	5.5	
3	2123110543	Nguyễn Văn	Chinh	30/09/2004	CCQ2311F	1017	Chinh	5.9	Chinh	3.0	4.5	7.4	5.7	
4	2123050044	Le Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A							0	Cấm thi	
5	2123120290	Nguyễn Sĩ	Công	07/02/2004	CCQ2312F						0.0	3.4	1.4	
6	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A	1018	Du	6.5			0.0	7	4.2	
7	2123200443	Trần Thị Hà	Danh	09/11/2005	CCQ2320E	1019	Danh	8.1	Danh	6.0	7.1	8	7.5	
8	2122170580	Trương Công	Danh	17/04/2004	CCQ2217O	1019	Danh	6.6	Danh	0.0	3.3	7.5	5.0	
9	2123210193	Nguyễn Trọng	Đức	10/04/2004	CCQ2321E							0	Cấm thi	
10	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A							0	Cấm thi	
11	2123200555	Phạm Phúc	Hậu	30/04/2005	CCQ2320E	1018	Hau	8.4	Hau	6.2	7.3	7.7	7.5	
12	2123120295	Nguyễn Thế	Hiếu	11/02/2005	CCQ2312F	1017	Hieu	7.1			0.0	7	4.2	
13	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A							0	Cấm thi	
14	2123310002	Phạm Quốc	Hùng	26/10/2004	CCQ2331A						0.0	0	0.0	
15	2123200532	Trịnh Quang	Huy	02/12/2005	CCQ2320E							0	Cấm thi	
16	2123200442	Phạm Thị Thu	Huyền	23/09/2004	CCQ2320E	1019	Huyen	6.3	Huyen	2.0	4.2	7.5	5.5	
17	2123120299	Nguyễn Võ	Khang	25/07/2005	CCQ2312F	1019	Khang	7.4	Khang	4.2	5.8	9	7.1	

25/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

88

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

Trần Đại Vũ

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Nguyễn T. Xuân Hồng

Trần Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123170659	Nguyễn Quốc	Khánh	23/07/2005	CCQ2317B							0	Cấm thi	
19	2123120682	Bà Trưng	Kiên	08/05/2005	CCQ2312L							0	Cấm thi	
20	2123200411	Lê Thị Việt	Kiều	26/02/2005	CCQ2320E	1020	Kiều	7.2	Kiều	5.7	6.5	8.1	7.1	
21	2123120692	Nguyễn Thanh	Lộc	10/04/2003	CCQ2312L	1017	Lộc	7.5	Lộc	5.4	6.5	8.1	7.1	
22	2123260182	Đinh Khánh	Ly	16/04/2005	CCQ2326L							0	Cấm thi	
23	2123200456	Trà Thị Bích	Ngọc	19/07/2003	CCQ2320E	1018	Bích	6.7	Bích	5.3	6.0	7.7	6.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 13

H: 01

89

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Chánh Thiết
Thi

V.T.Q. Anh

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Nguyễn T. Xuân Hồng

Nguyễn T. Xuân Hồng

Phạm Thị Lê

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120309	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	03/08/2005	CCQ2312F	1018	Nguyễn	6.7	Nguyễn	2.0	2.0/4.4	7.6	5.7	
2	2123210195	Nguyễn Thanh	Nhân	07/07/2004	CCQ2321D						0.0	2.9	1.2	
3	2123200473	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/2004	CCQ2320E						0	0	cấm thi	
4	2123310044	Nguyễn Hưng	Phát	27/04/2005	CCQ2331B						0.0	0	0.0	
5	2123060177	Đàm Quang	Phú	19/05/2005	CCQ2306A	1018	Phú	7.4	Phú	5.8	6.6	8.3	7.3	
6	2122030138	Nguyễn Duy	Phước	02/12/2004	CCQ2203H	1017	Phước	6.2	Phước	6.5	6.4	7.5	6.8	
7	2122170589	Nguyễn Chí	Quốc	06/11/2004	CCQ22170	1019	Quốc	6.2	Quốc	3.6	4.9	8.5	6.3	
8	2123200421	Nguyễn Thị Lê	Quỳnh	02/02/2005	CCQ2320E						0	0	cấm thi	
9	2123210183	Lục Như	Quỳnh	31/01/2005	CCQ2321D	1019	Quỳnh	8.2	Quỳnh	6.8	7.5	8.1	7.7	
10	2123200472	Hà Văn	Tâm	08/09/2001	CCQ2320E						0	0	cấm thi	
11	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B						0	0	cấm thi	
12	2123120307	Võ Thị Mỹ	Tâm	09/11/2004	CCQ2312F	1020	Tâm	5.3	Tâm	7.2	6.3	8	7.0	
13	2123120701	Nguyễn Công	Thắng	21/01/2005	CCQ2312L						0	0	cấm thi	
14	2123120705	Hoàng Văn	Thiên	16/01/2004	CCQ2312L	1017	Thiên	7.5	Thiên	6.5	7.0	8.6	7.6	
15	2123110527	Nguyễn Ngọc	Thiện	22/04/2005	CCQ2311L						0.0	7	2.8	
16	2122170582	Nguyễn Hồng	Tiến	09/10/2004	CCQ22170	1018	Tiến	5.6	Tiến	0.0	2.8	7.8	4.8	
17	2123120308	Phạm Thị Đoan	Trang	10/01/2005	CCQ2312F	1020	Trang	7.5	Trang	7.2	7.4	7.8	7.6	

25/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

(89)
C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Thị
Chị
Thị
Thị

al
V.T.Q. Anh

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Nguyễn T. Xuân Hồng

Nguyễn T. Xuân Hồng

Nguyễn T. Xuân Hồng

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 14

Phòng thi: D6-33

Số tờ giấy thi: 14

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123110522	Bùi Minh	Trí	05/12/2003	CCQ2311M							0	Cấm thi	
19	2123120318	Võ Thành	Trí	22/11/2005	CCQ2312F	1019	Trí	9.0	Trí	4.7	6.9	8.2	7.4	
20	2122200042	Phạm Thanh	Trụ	24/03/2004	CCQ2220B	1018	Trụ	7.9	Trụ	5.6	6.8	8	7.3	
21	2123310003	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	18/09/2003	CCQ2331A							0	Cấm thi	
22	2123140117	Phan Thành	Trung	05/09/2005	CCQ2314C	1018	T	7.1	T	1.0	4.1	8.3	5.8	
23	2123200399	Cao Hà Anh	Tú	25/02/2005	CCQ2320E	1019	Tú	7.2	C. Thi	3.5	5.4	7.5	6.2	
24	2123200455	Trần Thị Thu	Tuyền	17/06/2005	CCQ2320E							0	Cấm thi	
25	2122200158	Nguyễn Công	Vinh	25/08/2004	CCQ2220E	1017	VS	7.7	VS	4.9	6.3	8.6	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 20

H: 2

Cán bộ coi thi 1

VT Kiệt

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Hương

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Ng. T. Khanh Hong

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Trần Thị Hương

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

MT Ban

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 22

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170721	Nguyễn Huy	Nhật	17/09/2004	CCQ2217R	1017	Nhật	5,2	Nhật	6,6	5,9	8,2	6,8	
2	2123120607	Cao Vô	Ni	06/01/2005	CCQ2312J							0		
3	2123180056	Trần Ngọc	Phong	08/08/2005	CCQ2318B	1019	Phong	7,2	Phong	5,4	6,3	7,6	6,8	
4	2123180032	Nguyễn Huỳnh Anh	Phú	07/08/2005	CCQ2318A	1020	Phú	5,9	Phú	3,8	4,9	7,8	6,1	
5	2122170202	Trần Quang	Phú	30/06/2004	CCQ2217F	1017	Phú	5,5	Phú	4,1	4,8	7,5	5,9	
6	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B	1018	Phú	5,7	Phú	4,8	5,3	8,7	6,7	
7	2122110594	Dương Minh	Phúc	03/08/2003	CCQ2211M	1019	Phúc	8,6	Phúc	6,4	7,5	7,9	7,7	
8	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C							0		
9	2122270071	Nguyễn Thị Thu	Phượng	05/02/2004	CCQ2227C	1017	Phượng	5,8	Phượng	5,0	5,4	7,5	6,2	
10	2122030184	Huỳnh Văn Nguyễn	Sách	02/05/2004	CCQ2203F	1018	Sách	5,7	Sách	4,4	5,1	7,7	6,1	
11	2122170702	Búi Minh	Sang	28/10/2004	CCQ2217R	1019	Sang	5,5	Sang	0	2,8	7,9	4,8	
12	2122170734	Phan Vũ Trường	Sang	15/10/2004	CCQ2203C	1020	Sang	6,8	Sang	6,6	6,7	8,3	7,3	
13	2122170706	Vô Trọng	Tấn	19/05/2004	CCQ2217R	1017	Tấn	6,8	Tấn	8,6	7,7	8,4	8,0	
14	2122030102	Nguyễn Quốc	Thắng	19/04/2004	CCQ2203G	1018	Thắng	5,7	Thắng	0	2,9	7,4	4,7	
15	2123180026	Trần Quang	Thắng	25/01/2005	CCQ2318A	1019	Thắng	8,5	Thắng	7,9	8,2	9,1	8,6	
16	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D	1020	Thành	5,5	Thành	6,7	6,1	7,9	6,8	
17	2122170031	Huỳnh Ngọc	Thiên	22/08/2004	CCQ2217A	1017	Thiên	5,2	Thiên	7,6	6,4	6	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

J: 20
H: 02

90

C. Hoà

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
VT421

[Signature]
VT422

[Signature]
Ng. T. Xuân Hồng

[Signature]
Nguyễn Chí Nguyệt Hoa

[Signature]

[Signature]
Trần Thị Bình Hương
[Signature]
M. Hoa

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/5/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170365	Phạm Minh	Thông	15/07/2004	CCQ2217J	1018	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	5,4	5,1	8,6	6,5	
19	2122170302	Võ Đình	Tiến	24/02/2003	CCQ2217H	1020	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	5,5	4,9	7,4	5,9	
20	2122030195	Nguyễn Thanh	Triều	30/06/2004	CCQ2203H							0		
21	2122120386	Võ Thị Tú	Trình	13/01/2004	CCQ2212L	1017	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	7,1	6,2	8,2	7,0	
22	2122170504	Trần Minh	Trung	23/02/2004	CCQ2203G	1018	<i>[Signature]</i>	5,1	<i>[Signature]</i>	5,3	5,2	8,6	6,6	
23	2122170129	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	24/01/2004	CCQ2217D	1019	<i>[Signature]</i>	6,4	<i>[Signature]</i>	6,7	6,6	8,4	7,3	
24	2122260114	Tô Thị Ngọc	Viên	08/11/2004	CCQ2226D	1020	<i>[Signature]</i>	5,8	<i>[Signature]</i>	6,2	6,0	5,9	6,0	
25	2122180077	Thập Văn Anh	Vũ	02/04/2004	CCQ2218C	1017	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	4,0	4,4	6,4	5,2	